



TỈNH ỦY AN GIANG

*

Số 40-CTr/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị
về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia
trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới (gọi tắt là Nghị quyết số 27-NQ/TW)¹; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện như sau:

I- THỰC TRẠNG

Sau hợp nhất, An Giang là địa phương duy nhất của vùng Đồng bằng sông Cửu Long vừa có đường biên giới đất liền giáp Vương quốc Campuchia, vừa có vùng biển, hải đảo rộng lớn (đặc khu Phú Quốc, đặc khu Thổ Châu), vừa có vùng đồng bằng, vùng núi (khu vực Bảy Núi - Hà Tiên), hội tụ đầy đủ các loại không gian phát triển: biên giới, cửa khẩu, biển, đảo, đô thị, nông nghiệp, du lịch và logistics, tạo dư địa, tiềm năng lớn để tổ chức lại không gian phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Thời gian qua, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị và các động lực tăng trưởng mới; kinh tế của tỉnh duy trì đà tăng trưởng khá, 9 tháng đầu năm 2026 tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 9,32%, đứng thứ nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; công tác chuẩn bị kết cấu hạ tầng phục vụ Hội nghị cấp cao APEC năm 2027 tại đặc khu Phú Quốc được triển khai quyết liệt, đồng bộ; công tác quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, nhất là tại đặc khu Phú Quốc và các khu vực dự kiến lấn biển đến năm 2030 tiếp tục được đẩy nhanh tiến độ.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, không gian phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh An Giang nói riêng vẫn thiếu các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế đủ mạnh để dẫn dắt, lan tỏa;

¹ Trên cơ sở kế thừa, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kết quả sơ kết thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

hạ tầng kỹ thuật và logistics kết nối liên vùng chưa đồng bộ, chi phí logistics còn cao; cơ chế, chính sách cho vùng động lực, hành lang kinh tế còn thiếu và yếu; liên kết vùng còn mang tính hình thức, thiếu ràng buộc pháp lý và nguồn lực thực hiện; tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở, xâm nhập mặn ngày càng gay gắt, ảnh hưởng đến tính bền vững của không gian phát triển.

Nghị quyết số 27-NQ/TW của Bộ Chính trị ra đời trong bối cảnh cả nước vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tổ chức lại không gian phát triển sau sắp xếp đơn vị hành chính, đặt ra yêu cầu chuyển mạnh tư duy phát triển theo địa giới hành chính sang tư duy phát triển theo không gian kinh tế, vùng chức năng, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng. Đây là cơ hội quan trọng để An Giang phát huy tối đa lợi thế sau hợp nhất, xác lập vai trò là một cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

II- MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Tái cấu trúc, quản lý và khai thác hiệu quả không gian phát triển tỉnh An Giang đồng bộ với không gian phát triển quốc gia và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, bản sắc văn hóa của từng khu vực, địa phương; phát huy vai trò dẫn dắt, lan tỏa của các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, trung tâm kinh tế; tăng cường liên kết nội tỉnh, liên vùng và quốc tế; bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, biển, đảo và toàn vẹn lãnh thổ; duy trì môi trường hòa bình, ổn định, tạo nền tảng để tỉnh phát triển nhanh, bền vững.

1.2. Mục tiêu đến năm 2030

Xây dựng An Giang phát triển theo hướng văn minh, hiện đại, giàu bản sắc; tổ chức lại không gian phát triển, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá của cả nước, có tốc độ tăng trưởng năng động; giữ vai trò trung tâm dịch vụ, trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia, du lịch biển - đảo và kinh tế biên giới. Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, xanh và bền vững; phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế và không gian phát triển mới; tăng cường liên kết nội tỉnh, liên kết vùng và quốc tế, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

1.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, tỉnh An Giang vận hành nền kinh tế theo phương thức kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dữ liệu, kinh tế tuần hoàn; có kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, xanh, an toàn, có khả năng chống chịu cao, kết nối thông suốt với vùng và cả nước; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chính của tăng trưởng; liên kết nội tỉnh, liên kết vùng và hợp tác quốc tế ngày càng chặt chẽ, thực chất; xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển; quản trị xã hội trên nền tảng xã hội số hoàn chỉnh; môi trường sinh thái bền vững; quốc phòng, an ninh hiện đại, tự chủ, tự cường, vững mạnh; người dân được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao, góp phần xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

Các chỉ tiêu của tỉnh được xây dựng bảo đảm cao hơn mức bình quân chung của vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW và định hướng tăng trưởng GRDP hai con số giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; trong đó phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt trên 11%/năm, cao hơn mục tiêu bình quân toàn vùng (9 - 9,5%/năm).

(Các chỉ tiêu cụ thể được nêu tại Phụ lục kèm theo).

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức không gian phát triển và thực hiện hiệu quả quy hoạch

Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng đa tầng, đa cực, liên kết đồng bộ đất liền, biển, đảo, vùng trời, không gian ngầm, không gian số và các không gian phát triển mới; chuyển từ tổ chức phát triển theo địa giới hành chính sang phát triển theo chức năng, tiềm năng, lợi thế, điều kiện tài nguyên, môi trường và liên kết giữa các địa phương, ngành, lĩnh vực.

Triển khai đồng bộ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long và quy hoạch ngành gắn với đổi mới mô hình phát triển đất nước, bảo đảm tầm nhìn dài hạn, liên ngành, liên vùng và khả năng thích ứng với những thay đổi về công nghệ, thị trường, dân số, khí hậu. Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và các nội dung của Quy hoạch tỉnh; tập trung đầu tư các cực tăng trưởng, khu vực động lực để tạo sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và liên kết vùng.

Hình thành, phát triển các hành lang kinh tế, tăng cường kết nối các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, đô thị, khu kinh tế, cửa khẩu, cảng biển và các đầu mối giao

thông, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới sau sắp xếp đơn vị hành chính. Bố trí, sắp xếp không gian phát triển các địa phương, tiểu vùng phù hợp với chức năng, lợi thế và mục tiêu phát triển của từng khu vực; phát huy tính bổ trợ, liên kết và lan tỏa giữa các địa phương, khắc phục tình trạng phát triển dàn trải, trùng lặp.

Phát huy hiệu quả các vùng động lực, cực tăng trưởng của tỉnh; tăng cường liên kết giữa các địa phương trong tỉnh và với các tỉnh, thành phố trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đẩy mạnh liên kết, hợp tác khai thác hiệu quả không gian biển, đảo, phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.

Trong quá trình điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, cần bám sát định hướng tổ chức không gian vùng Đồng bằng sông Cửu Long thành các tiểu vùng chức năng (tiểu vùng trung tâm; tiểu vùng ven biển phía Đông; tiểu vùng ven biển phía Tây; tiểu vùng phía Nam; tiểu vùng phía Bắc; tiểu vùng ven biên giới) theo tinh thần sơ kết Nghị quyết số 13-NQ/TW, trong đó xác định đặc khu Phú Quốc là trung tâm tiểu vùng ven biển phía Tây - trung tâm du lịch sinh thái biển đảo, dịch vụ, tài chính tầm cỡ quốc tế; đô thị Rạch Giá là trung tâm tiểu vùng, gắn với dải hành lang kinh tế biên giới từ Đồng Tháp đến An Giang.

Khẩn trương hoàn thành các dự án kết cấu hạ tầng đặc khu Phú Quốc, đặc biệt các công trình, dự án phục vụ Hội nghị cấp cao APEC năm 2027; đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng giao thông, đô thị, logistics, cấp điện, cấp nước và các hạ tầng thiết yếu trên địa bàn Phú Quốc; từng bước hoàn thiện kết nối Phú Quốc với đất liền, các địa phương trong vùng và mạng lưới khu vực, quốc tế.

Phát triển đặc khu Thổ Châu thành vùng biển, đảo bền vững, kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tăng cường kết nối giữa Phú Quốc, Thổ Châu với các không gian biển, đảo trong vùng Tây Nam, từng bước hình thành không gian liên kết chiến lược Phú Quốc - Thổ Châu - Hòn Khoai (Cà Mau) gắn với phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển vùng

Phối hợp hoàn thiện cơ chế phối hợp, điều phối và huy động nguồn lực giữa các địa phương trong tỉnh và giữa An Giang với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long thật sự mạnh, thực chất, hiệu quả; nhất là đối với các công trình, dự án liên địa phương, liên vùng, theo nguyên tắc cùng quyết định, cùng tham gia, cùng chịu trách nhiệm và cùng hưởng lợi, không phát sinh khâu trung gian.

Tiếp tục rà soát, đánh giá việc thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và nhân rộng phù hợp. Đẩy mạnh liên kết giữa An Giang với các địa phương trong vùng theo không gian phát triển và chuỗi giá trị; lấy các hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, đô thị động lực làm hạt nhân.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức phối hợp, điều phối phát triển giữa các địa phương trong tỉnh và với các địa phương trong vùng theo hướng thực chất, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện tốt vai trò là thành viên của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện hiệu quả phân cấp, phân quyền phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của từng địa phương.

Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong vùng phát huy hiệu quả cơ chế điều phối của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù cho đặc khu Phú Quốc, đặc khu Thổ Châu, các khu kinh tế cửa khẩu theo hướng tương tự các cơ chế, chính sách đặc thù đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm tại một số địa phương trong vùng theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW.

3. Đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển các động lực kinh tế mới

Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng của tỉnh theo hướng phát triển kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu, trực xuyên suốt trong phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển đồng bộ các thị trường phục vụ sản xuất, kinh doanh, nhất là thị trường khoa học - công nghệ, thị trường vốn và thị trường lao động; nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn lực, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy dịch vụ logistics, thương mại điện tử, du lịch chất lượng cao; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sinh thái, hiệu quả và bền vững.

Tiếp tục đổi mới tư duy phát triển từ chủ yếu dựa vào nguồn lực sẵn có như đất đai, tài nguyên, ngân sách nhà nước sang tư duy kiến tạo, dẫn dắt, khơi thông và kích hoạt các nguồn lực xã hội; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết

Tập trung nguồn lực phát triển hạ tầng chiến lược, hạ tầng số, hạ tầng công nghệ, hạ tầng phục vụ chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, tạo động lực đột phá kinh tế, mở rộng không gian phát triển và khơi thông các nguồn lực; tổ chức phát triển hạ tầng đồng bộ theo các hành lang kinh tế và không gian phát triển của tỉnh, gắn kết với không gian phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông hiện đại, đồng bộ, kết nối hiệu quả giữa các địa phương, các ngành, các vùng, giữa An Giang với các trung tâm kinh tế lớn trong nước và quốc tế; tăng cường liên thông giữa các phương thức vận tải, giữa

giao thông với năng lượng, logistics và đô thị, nâng cao năng lực kết nối và sức cạnh tranh của tỉnh.

Xử lý các điểm nghẽn về hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội; nâng cao năng lực hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nguồn nước; xây dựng hệ thống điều hành nguồn nước trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, liên kết hồ chứa, thủy lợi, cấp nước, chống ngập và kiểm soát xâm nhập mặn.

Khơi thông, kích hoạt các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, ưu tiên đầu tư tư nhân và hợp tác công tư (PPP); tập trung nguồn lực hoàn thành các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm, có tính kết nối, liên vùng, lan tỏa; ưu tiên hạ tầng kết nối khu kinh tế đặc biệt, các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế biển, cảng biển, các trung tâm logistics và các khu vực động lực của tỉnh.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư hoàn thành các công trình hạ tầng chiến lược phục vụ Hội nghị cấp cao APEC năm 2027 tại đặc khu Phú Quốc, bảo đảm tiến độ, chất lượng, an toàn tuyệt đối; đẩy nhanh tiến độ các tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, các tuyến kết nối cửa khẩu quốc tế; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương triển khai các dự án hạ tầng cảng biển, cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, Rạch Giá theo quy hoạch được duyệt.

5. Phát triển hệ thống đô thị, các cực tăng trưởng và hành lang kinh tế

Hoàn thiện quy hoạch hệ thống đô thị của tỉnh theo hướng hình thành các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế - đô thị, các trung tâm kinh tế và đô thị động lực có vai trò dẫn dắt, lan tỏa; phát triển các mô hình đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị nén, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, không gian phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát triển bền vững và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Tập trung đầu tư, phát triển các cực tăng trưởng, đô thị động lực của tỉnh để phát huy vai trò hình thành, dẫn dắt, lan tỏa và thúc đẩy phát triển các hành lang đô thị - công nghiệp - dịch vụ; nâng cao chất lượng đô thị, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các tiểu vùng và toàn tỉnh.

Phấn đấu đến năm 2045, hình thành hệ thống đô thị hiện đại, xanh, thông minh, có bản sắc, có khả năng kết nối và hội nhập sâu rộng; phát triển theo mô hình “đa cực”, gắn với các tiểu vùng, hành lang kinh tế và các cực tăng trưởng, tăng cường kết nối với hệ thống đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Phnom Penh (Vương quốc Campuchia). Tập trung phát triển các đô thị động lực, trong đó xây dựng Phú Quốc trở thành khu kinh tế đặc biệt - đô thị loại I, tầm cỡ quốc tế; phát huy vai trò của Long Xuyên, Rạch Giá, Châu Đốc, Hà Tiên, Tịnh Biên và các đô thị khác trong kết nối, dẫn dắt và lan tỏa phát triển trong vùng, khu vực và quốc tế.

Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết còn lại, nhất là tại đặc khu Phú Quốc và các khu vực dự kiến lấn biển đến năm 2030, làm cơ sở pháp lý để triển khai các dự án đầu tư trọng điểm; đồng thời đẩy mạnh chương trình phát triển nhà ở xã hội gắn với các khu vực đô thị động lực.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đột phá chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực then chốt như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghệ số, logistics, du lịch, kinh tế biển, năng lượng và các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế.

Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao; bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng đối với giáo dục - đào tạo, thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các địa bàn.

Ưu tiên, khuyến khích đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, gắn với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Thúc đẩy hình thành, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), cơ sở, khu nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số.

Tập trung tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của mạng lưới cơ sở giáo dục sau sắp xếp; ưu tiên nguồn lực đầu tư chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất trường học, xây dựng hệ thống trường phổ thông chất lượng cao tại các đô thị hạt nhân (Long Xuyên, Rạch Giá, Châu Đốc, Phú Quốc, Hà Tiên); đổi mới mạnh mẽ mô hình đào tạo nghề theo hướng liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp và các trụ cột kinh tế mới như kinh tế biển, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao, dịch vụ logistics và nông nghiệp sinh thái công nghệ cao.

7. Phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội

Phát triển văn hóa An Giang theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn với hình thành các không gian văn hóa sáng tạo và nâng cao khả năng hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; lấy bản sắc văn hóa và các giá trị truyền thống, lịch sử, văn hóa sông nước, biển đảo, biên giới và các giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc làm nguồn lực phát triển.

Phát triển hệ thống y tế của tỉnh toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối; lấy y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng, y tế chuyên sâu là động lực, hướng tới

bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân và bảo hiểm y tế toàn dân; khuyến khích xã hội hóa, phát triển y tế tư nhân, bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe giữa các địa bàn.

Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, đa tầng, hiện đại, chủ động, thích ứng, bao trùm, đa dạng loại hình, phân bổ hợp lý, tinh gọn, hiệu quả; triển khai hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

8. Bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh nguồn nước

Hoàn thiện thể chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long và quy hoạch tổng thể quốc gia.

Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong tỉnh và giữa An Giang với các địa phương trong vùng trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng đồng bộ, chủ động và chia sẻ trách nhiệm; ưu tiên xử lý các vấn đề có tính liên vùng, nhất là ô nhiễm nguồn nước, chất thải rắn, chất thải nguy hại, suy giảm đa dạng sinh học.

Chú trọng đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với điều phối liên vùng; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo thiên tai đa mục tiêu; hướng đến kiểm soát, giảm thiểu tình trạng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh và khu vực.

Đẩy mạnh quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng ngập mặn và các hệ sinh thái rừng có vai trò phòng hộ, bảo tồn đa dạng sinh học; tăng cường phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, nâng cao khả năng hấp thụ các-bon, góp phần giảm rủi ro thiên tai.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế

Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, nhất là trên tuyến biên giới, vùng biển, đảo và các địa bàn trọng yếu.

Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, bảo đảm liên kết chặt chẽ với thế trận phòng thủ của Quân khu và cả nước; chủ động ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống và các rủi ro, bảo đảm vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới, biển, đảo. Xây dựng tuyến biên giới giáp Vương quốc

Campuchia hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; tập trung bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn phục vụ Hội nghị cấp cao APEC năm 2027.

Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương, quốc gia, tổ chức quốc tế để huy động nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường kết nối và phát triển kinh tế; khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA); đẩy mạnh hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch, nhất là với các địa phương và đối tác của Campuchia và các thị trường quốc tế, góp phần nâng cao năng lực kết nối và hội nhập của tỉnh.

10. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu tổ chức không gian phát triển mới

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển tỉnh nhanh, bền vững.

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng địa bàn nông thôn, đô thị, miền núi, biên giới, hải đảo và đặc khu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo phương châm địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm.

Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách và nhiệm vụ phát triển của tỉnh; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và hệ thống chính trị.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu, thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh và với hệ thống dữ liệu quốc gia, phục vụ nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

11. Tập trung thực hiện các khâu đột phá tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức không gian phát triển của tỉnh

Thứ nhất, tập trung hoàn thành đồng bộ kết cấu hạ tầng chiến lược phục vụ Hội nghị cấp cao APEC năm 2027 tại đặc khu Phú Quốc và các tuyến giao thông động lực (cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu), tạo nền tảng kết nối liên vùng, liên quốc gia lâu dài, không chỉ phục vụ sự kiện.

Thứ hai, xây dựng đặc khu Phú Quốc trở thành khu kinh tế đặc biệt - đô thị loại I tầm cỡ quốc tế, trung tâm du lịch, dịch vụ, tài chính và đổi mới sáng tạo, đầu mối

kết nối vùng Đồng bằng sông Cửu Long với khu vực và quốc tế; đồng thời phát triển đặc khu Thổ Châu gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng động lực, hành lang kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu và phát huy hiệu quả cơ chế điều phối của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khắc phục tình trạng liên kết vùng còn hình thức đã được chỉ ra tại Báo cáo sơ kết Nghị quyết số 13-NQ/TW.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả Chương trình hành động này; định kỳ hằng năm nghe báo cáo, cho ý kiến chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chỉ đạo rà soát, bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của Trung ương.

Phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phụ trách địa bàn trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động này của Tỉnh ủy tại đảng ủy được phân công phụ trách.

2. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này của Tỉnh ủy đến chi bộ, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể của địa phương, đơn vị, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình phù hợp với đặc điểm địa bàn, lĩnh vực.

Định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động này của Tỉnh ủy với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Chương trình hành động này của Tỉnh ủy thành các đề án, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện; chỉ đạo rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách của tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi; bố trí, lồng ghép nguồn lực từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động này của Tỉnh ủy, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo cấp có thẩm quyền.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lãnh đạo, định hướng các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân.

5. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình hành động này của Tỉnh ủy và các chủ trương về phát triển vùng, tổ chức không gian phát triển.

6. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, ban hành theo thẩm quyền các nghị quyết, cơ chế, chính sách đặc thù của Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này của Tỉnh ủy; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện.

7. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này của Tỉnh ủy; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. *Nguyen*

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (để b/c);
- Văn phòng TW Đảng (để b/c);
- Ban Chính sách, chiến lược TW (để b/c);
- Đảng ủy Chính phủ (để b/c);
- Các đ/c ban đảng TW phụ trách địa bàn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo VPTU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Lâm Minh Thành

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030 CỦA TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Chương trình hành động số 40-CTr/TU,
ngày 29/9/2026 của Tỉnh ủy)

TT	Chỉ tiêu	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Tỉnh An Giang	Ghi chú
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/ năm (%)	9 - 9,5	$\geq 11,00$	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
2	GRDP bình quân đầu người (USD)	6.610	≥ 6.300	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
3	Tỉ trọng Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	26 - 27	21,84	Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16/01/2026
4	Tỉ trọng Khu vực công nghiệp và xây dựng (%)	29 - 30	22,32	Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16/01/2026
5	Tỉ trọng Khu vực dịch vụ (%)	43 - 44	51,37	Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16/01/2026
6	Tỉ trọng Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)	3 - 4	4,46	Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16/01/2026
7	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP (%)	23 - 24	13,28	Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16/01/2026
8	Tỉ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GRDP (%)	25 - 30	30	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
9	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	45	Phấn đấu đạt 50	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ ngày 13/02/2026
10	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,0	9,77	Kế hoạch 381/KH-UBND ngày 13/7/2026
11	Tỉ lệ đô thị hóa (%)	42	> 50	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
12	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75,5	75,5	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
13	Thời gian sống khỏe (năm)	68	68	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
14	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	25 - 30	35	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
15	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)	Dưới 2	0,3 - 0,5	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
16	Số bác sĩ/ vạn dân (người)	15	15	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026

TT	Chỉ tiêu	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Tỉnh An Giang	Ghi chú
17	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	100	100	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
18	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	Đạt bao phủ toàn dân	Đạt bao phủ toàn dân	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
19	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,75 - 0,78	0,75	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
20	Tỉ lệ KCN, KCX đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường (%)	100	100	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
21	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	7,5	8,9	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
22	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có hiện đại)	50% (10%)	100	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026

PHỤ LỤC II
DANH MỤC MỘT SỐ NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG TÂM
(Kèm theo Chương trình hành động số 40-CTr/TU,
ngày 29/9/2026 của Tỉnh ủy)

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
1	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Sở Tài chính (Sở Kế hoạch và Đầu tư)	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027
2	Hoàn thành kết cấu hạ tầng đặc khu Phú Quốc phục vụ Hội nghị cấp cao APEC năm 2027	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ngành, chủ đầu tư liên quan	2026 - 2027
3	Đầu tư tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (đoạn qua địa bàn tỉnh)	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2026 - 2030
4	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đặc khu Phú Quốc, đặc khu Thổ Châu	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan	2026 - 2028
5	Hoàn thiện quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đặc khu Phú Quốc và các khu vực dự kiến lấn biển	Sở Xây dựng	UBND đặc khu Phú Quốc	2026 - 2028
6	Đề án phát triển các hành lang kinh tế, cực tăng trưởng và tiểu vùng chức năng của tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2027 - 2030
7	Đề án phát huy vai trò của tỉnh trong Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành liên quan	2026 - 2030
8	Đầu tư hạ tầng cảng biển, cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, Rạch Giá theo quy hoạch	Sở Xây dựng	Các cơ quan Trung ương, chủ đầu tư	2026 - 2030

Ghi chú: Căn cứ Phụ lục này, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, dự án hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.